

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2022/DS-PT
Ngày 28 – 9 – 2022
V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều
Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 và 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2022/TLPT-DS, ngày 25/8/2022 về việc “tranh chấp đòi quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 106/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Hữu B, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp Vĩnh Phú B, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- Bị đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp Mỹ Tường 1, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị N: Chị Lương Thị Hồng M, sinh năm 1991; địa chỉ: Lô A02, Khóm 3, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Chị Quách Thị X, sinh năm 1985

3. Bà Lê Thị D, sinh năm 1962
4. Anh Lê Văn Đ (Băng Ch), sinh năm 1977
5. Anh Lê Hữu Ph, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị X, bà D, anh Đ, anh Ph: Anh Lê Hữu B, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

6. Anh Lý Tr, sinh năm 1991, (vắng mặt).
7. Anh Lý Th, sinh năm 1992, (vắng mặt).
8. Ông Lê Văn V, sinh năm 1954
9. Ông Lê Văn T, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V, ông T: Anh Lê Hữu B, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

10. Bà Lê Thị M (đã chết)

Địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

10.1. *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị M:*

- 10.2. Ông Trần Quyết Th, sinh năm 1965
- 10.3. Anh Trần Quốc V, sinh năm 1986
- 10.4. Anh Trần Quốc V, sinh năm 1988
- 10.5. Chị Trần Thị Cẩm Th, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th, anh V, anh Việt, chị Th: Anh Lê Hữu B, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

11. Chị Lê Thị T, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp 1, xã Th, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Tiên: Anh Lê Hữu B, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

12. Ông Phan Văn Th, sinh năm 1930. Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Văn Th: Ông Huỳnh Văn Vàng – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

13. Ông Lê Hoàng M, sinh năm 1952, (vắng mặt).

14. Bà Trần Thị A, sinh năm 1957, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

15. Chị Lý Thị T, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Phan Thị N

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Lê Hữu B đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Quách Thị X, ông Lê Văn V, ông Lê Hữu T, chị Lê Thị T, ông Trần Quyết Th, anh Trần Quốc V, anh Trần Quốc V, chị Lê Thị Cẩm T trình bày:

Nguồn gốc đất do cha ruột ông Lê Văn K (chết năm 1999) khai phá có diện tích 10 công tầm cây, ông K sử dụng đến năm 1979 thì đất đưa vào tập đoàn và tập đoàn giao cho ông Lê Hoàng M sử dụng. Đến năm 1989, không còn tập đoàn thì đất trả lại cho ông K. Ông K nhận lại đất và canh tác đến khoảng năm 1993-1994 thì cho vợ chồng bà Phan Thị N và Lý Đ mượn khoảng 02 công tầm cây đất. Lý do là bà N và mẹ anh B có bà con, thấy gia đình bà N không có đất sản xuất nên cho mượn, việc cho mượn chỉ nói miệng, không lập thành văn bản. Năm 1999, ông K đòi lại đất nhưng bà N chưa trả thì ông K chết, sau đó gia đình anh B có đòi nhiều lần và sau này anh B khởi kiện đến nay. Hiện trạng đất cho mượn là đất trồng lúa, tuy nhiên cạnh giáp kênh Tàu Kê có 01 cái địa, sau này Nhà nước mức kênh đã quăng đất lên lấp hết phần địa. Năm 1993, ông K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2000 anh B đăng ký thủ tục thừa kế từ ông K, hiện nay đã được cấp đổi theo bản đồ chính quy.

Anh B yêu cầu bà N trả phần đất qua đo đạc thực tế 3.253m² thuộc một phần thửa đất số 162, tờ bản đồ số 02, trong đó có diện tích 72,1m² hiện trạng là bờ kênh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa, anh B xác định rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà N trả diện tích 72,1m², anh chỉ yêu cầu bà N trả phần đất có diện tích 3.180,9m². Ngoài ra, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Bị đơn bà Phan Thị N và người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn trình bày:

Năm 1990 cha ruột của bà tên Phan Văn Th nhận chuyển nhượng của ông Sơn Ph và ông Lê Hoàng M diện tích đất khoảng 05 công tầm cây với giá là 80 gia lúa; giữa ông Th với ông Ph, ông M có làm chung một tờ giấy chuyển nhượng viết tay và đưa cho bà N giữ, nhưng sau này do cháy nhà nên không còn nữa. Cùng năm 1990, ông Tho cho vợ chồng bà toàn bộ diện tích đất này. Trước đây, khi ông M sử dụng đất thì có đào bao ngạn phần đất thì có trùn qua phần đất địa của ông K.

Bà N không xác định được nhận chuyển nhượng từ ông M và ông Ph mỗi người có diện tích cụ thể là bao nhiêu, chỉ nhớ tổng cộng là 05 công tầm cây. Diện tích đất bà N nhận chuyển nhượng nằm ngoài phần đất tranh chấp, còn

phần đất tranh chấp trước đây là đất lung, bên chỉ trồng lá dừa nước, phần đất trồng lá không có nằm trong diện tích 05 công nhận chuyển nhượng. Khi ông M bán cho bà N lá dừa nước thì bà N quản lý và sử dụng phần đất trồng lá dừa nước đến khi phát sinh tranh chấp với anh B đến nay. Phần đất tranh chấp không có nhận chuyển nhượng nên khi ông Lý Đ đi đăng ký, kê khai làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không có kê khai phần này, mà chỉ kê khai đối với diện tích đất nhận chuyển nhượng từ ông M và ông Ph, đã được cấp Giấy số W224731 tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 02, diện tích 7.750m². Bà N chỉ đồng ý trả lại cho anh B diện tích đất của ông K trước đây là 443,4m² không đồng ý trả diện tích còn lại theo yêu cầu của anh B. Bà N không có yêu cầu phản tố, cũng không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Th trình bày:

Khi ông Tho biết ông Lê Hoàng Minh chuẩn bị về quê thì ông có nói cho vợ chồng bà N đến hỏi ông M mua đất. Vợ chồng bà N và ông M thương lượng diện tích bao nhiêu, vị trí chỗ nào và giá trị bao nhiêu thì ông Tho không biết. Khi ông M dọn đi thì vợ chồng bà N về ở; ông Tho chỉ nhớ nội dung, còn diễn biến thời gian cụ thể thì không nhớ. Từ trước đến nay, không có lần nào ông Tho đứng ra mua đất cho vợ chồng bà N. Ông Tho xác định trên phần đất tranh chấp không phải là đất của ông K nên việc anh B yêu cầu bà N trả đất là không đúng. Ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng M trình bày:

Năm 1979, ông M được bà K cho một phần đất; cặp với phần đất này là phần đất của ông K. Trước đó, đất này là của ông 3 M là đất lung địa; khi ông M không sử dụng nữa thì ông K sử dụng và trồng lúa. Năm 1980, ông M có nói với ông K là sẽ đào bao ngạn hết phần đất bà K cho ông M thì ông K nói phần đất xéo ông K không làm nữa và cho ông M. Ông M đào bao ngạn hết đất được cho có diện tích khoảng 04 công. Cặp với phần đất ông M bao ngạn thì có phần đất bên ven sông, ông M trồng lá dừa nước; phần đất trồng lá nằm ngoài phần đất bao ngạn.

Quá trình sử dụng, ông M đã lấp phần đất của ông K trước đây để cấy lúa. Năm 1990, ông K về quê sinh sống và có bán phần lá dừa nước cho bà N, ông Đ với giá 40 gia lúa, ông M không có bán phần đất trồng lá. Còn phần đất ông đã bao ngạn thì ông có nói cho bà K và ông K biết để họ lấy lại thì lấy; ông K và bà K nói là ông Đ, bà N khổ quá nên cho ông Đ, bà N luôn phần đất ông M đã bao ngạn. Ông M có được tập đoàn cấp cho phần đất khác và khi ông về quê đã trả lại cho chủ cũ. Ông M đồng ý việc chuyển nhượng cho bà N phần đất ông đã bao ngạn trước đây, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Chị Lý Thị T, anh Lý Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày: đồng ý theo lời trình bày của bà N, không bổ sung thêm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua bà Lê Thị M, ông Lê Văn V, chị Lê Thị T, ông Lê Văn T, bà Lê Thị D, anh Lê Văn Đ, anh Lê Hữu Ph thống nhất trình bày: nguồn gốc đất của cha mẹ và thống nhất để anh B thừa hưởng

đất của cha mẹ chết để lại, không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện P có quan điểm: đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Anh Lý Tr, bà A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hữu B:

Buộc bà Phan Thị N và anh Lý Th trả cho anh Lê Hữu B và chị Quách Thị X phần đất có diện tích $3.180,9m^2$ thuộc một phần thửa đất số 162, tờ bản đồ số 02 do hộ anh B đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp kênh Tàu Kê có số đo $15,5m + 7m + 16m + 20,5m$

Hướng Tây giáp phần đất bà N đang quản lý, sử dụng (không bờ) có số đo 86m

Hướng Nam giáp kênh Tàu Kê có số đo $23m + 21,3m$

Hướng Bắc giáp đất anh Lê Hữu B (thửa 162) có số đo 47m

Công nhận cho anh B, chị X được quyền sở hữu đối với 02 cây tràm.

Buộc anh B, chị X có nghĩa vụ liên đới hoàn trả giá trị cây trồng cho bà N với số tiền 140.000đ.

Buộc bà N, anh Th trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày án có hiệu lực, có nghĩa vụ thu hoạch lúa để giao đất và tài sản trên đất cho anh B, chị X.

2. Đình chỉ giải quyết do anh B rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà N trả diện tích đất $72,1m^2$ đất bờ kênh; đất tọa lạc tại ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, bị đơn bà Phan Thị N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm người địa diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 191/QĐ-VKS - DS kháng nghị theo hướng đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm dân sự số 31/2022/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Văn Th trình bày:

Phần đất tranh chấp do ông Đ, bà N nhận chuyển nhượng từ ông M, ông Ph và canh tác đến nay đã 30 năm. Bà N chỉ thừa nhận cái địa, không thừa nhận có mượn toàn bộ phần đất tranh chấp. Đề nghị chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với diện tích 443,4m².

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Thị N, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu; hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm dân sự số 31/2022/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị N và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu trong hạn luật định, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nguyên đơn anh Lê Hữu B, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Lương Thị Hồng M, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Văn Th có mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Ủy ban nhân dân huyện P, ông Lê Hoàng M và bà Trần Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Lý Thị T, anh Lý Tr, ông Phan Văn Th vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Lê Hữu B khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị N trả phần đất có diện tích 3.180,9m², thuộc một phần thửa số 162, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp kênh Tàu Kê có số đo 15,5m + 7m + 16m + 20,5m

Hướng Tây giáp phần đất bà N đang quản lý, sử dụng (không bờ) có số đo 86m

Hướng Nam giáp kênh Tàu Kê có số đo 23m + 21,3m

Hướng Bắc giáp đất anh Lê Hữu B (thửa 162) có số đo 47m.

Tài sản trên đất có 02 cây tràm do bà N trồng và có 01 cái miếu ông Tà đã hư hỏng.

[3] Xét kháng cáo của bà Phan Thị N về việc yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hữu B và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu về việc đề nghị hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc đất tranh chấp anh B xác định là của ông Lê Văn K cha ruột của anh B khai phá sử dụng, sau đó đưa vào tập đoàn sản xuất nông nghiệp, khi không còn tập đoàn thì được trả lại cho ông K; khoảng năm 1993 -1994 cho vợ chồng bà Phan Thị N, ông Lý Đ mượn khoảng 02 công tầm cây. Phía bà N xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Phan Văn Th nhận chuyển nhượng từ ông Sơn Ph và ông Lê Hoàng M năm 1990, cùng năm 1990 ông Th cho lại vợ chồng bà quản lý, sử dụng đến nay.

Quá trình tham gia tố tụng, anh B trình bày anh nghe cha mẹ nói lại phần đất tranh chấp cho bà N, ông Đáng mượn khoảng năm 1993 – 1994. Tuy nhiên, bà N không thừa nhận có mượn đất của cha mẹ anh B. Ngoài ra, anh B không có tài liệu chứng cứ, chứng minh cho lời trình bày của anh.

[4] Xét quá trình kê khai, đăng ký và cấp quyền sử dụng đất: Ngày 04/4/1993 ông Lê Văn K khi kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất của gia đình thì ông K không có kê khai, đăng ký phần đất hiện đang tranh chấp; đồng thời ngày 02/4/1996 Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K cũng không cấp phần đất tranh chấp này. Ngày 13/11/2012, anh B xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 10.300m², sau khi được cấp đổi diện tích tăng từ 10.300m² lên 12.856m². Tại Biên bản xác minh về việc lý do đất đăng ký tăng diện tích, anh B trình bày: *“gia đình có nhập thêm phần đất trước đây chưa đăng ký làm quyền sử dụng đất nên diện tích tăng lên so với trước đây...”*. Và anh B xác định khi xin cấp đổi thì mới phát hiện phần đất cha anh cho bà N mượn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên xin được cấp, việc cấp giấy chứng nhận không có đo đạc thực tế, từ trước đến nay gia đình anh không quản lý, sử dụng phần đất này.

Tại Công văn số 1450/UBND ngày 30/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P có nội dung *“việc Ủy ban nhân dân huyện H cũ nay là huyện P ban hành quyết định giao quyền sử dụng đất cho ông Lê Hữu B tại Quyết định 364/QĐ-UB ngày 10/4/1999 nhưng đến ngày 10/4/2000 Ủy ban nhân dân huyện H cũ nay là huyện P mới ban hành Quyết định số 363/QĐ-UB thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06640 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 02/01/1996 cho ông Lê Văn K với lý do ông Lê Văn K chết để quyền sử dụng đất lại cho con ruột là ông Lê Văn B là không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật”*.

[6] Xét quá trình quản lý, sử dụng đất: Ông Lê Hoàng M xác định năm 1989 ông giao phần đất cho ông Tho cha bà N canh tác, trong đó có một phần đất xéo hình tam giác của ông 2 K có cạnh đáy 06 tầm, 02 cạnh còn lại 11 tầm, còn lại là đất của bà K (mẹ ông Ph). Tại Biên bản ngày 26/8/2016 ông Sơn Ph xác nhận có sang phần đất cho ông Th (cha bà N). Xét thấy, lời trình bày của bà N phù hợp với lời trình bày của ông Lê Hoàng M và lời khai của bà K đều xác

định khoảng năm 1989 – 1990, phần đất tranh chấp đã chuyển nhượng cho ông Tho là cha bà N, nên có cơ sở xác định bà N quản lý, sử dụng đất đến nay đã 30 năm, đồng thời anh B cũng thừa nhận phần đất tranh chấp gia đình anh không có sử dụng.

Xét thấy, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp gia đình bà N quản lý, sử dụng, nhưng năm 2012 Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh B là không đúng quy định của pháp luật, có căn cứ để hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh B đối với phần đất tranh chấp, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh, tuy nhiên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là vi phạm về thẩm quyền theo quy định tại Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 32 Luật tổ tụng hành chính. Do đó, có căn cứ hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Từ những phân tích nêu, trên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị N, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu; hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm dân sự số 31/2022/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng:

Án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tố tụng sẽ được xem xét khi Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết theo quy định pháp luật.

Án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Phan Thị N không phải nộp, bà N đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo Biên lai 0005258 ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản tranh chấp và án phí dân sự sơ thẩm sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi thụ lý, giải quyết lại vụ án.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Phan Thị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0005258 ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại 300.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Dũng